TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS – ST
Ngày: 08 – 9 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu
2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện L ***tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 01 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST – DS ngày 07/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Số H và H đường P, tổ E, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn T ***trình bày:***

Ngày 26/12/2019, ông Nguyễn Văn T1 có vay của ông T số tiền 100.000.000đ. Lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, thời gian vay là ½ tháng hẹn ngày 10/01/2020 sẽ trả. Tuy nhiên đến nay ông T1 chưa trả cho ông T cả gốc lẫn lãi mặc dù ông T đã đòi nhiều lần. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông T số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/12/2019 tới ngày 26/12/2022 là 36 tháng x 0,83% x 100.000.000đ = 29.880.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 129.880.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng). Và buộc ông T1 phải tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 ***trình bày:***

Ngày 26/12/2019, ông T1 đứng ra bảo lãnh cho cháu vợ là ông Nguyễn Văn T2 địa chỉ ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vay của ông T 100.000.000đ, hẹn đến ngày 10/01/2020 sẽ trả, không thỏa thuận về lãi suất. Ông T1 không nhận số tiền trên từ ông T mà là ông T2 nhận. Sau thời gian trên ông T2 có nói với ông T1 đã trả 100.000.000đ cho ông T rồi. Nay sau 3 năm ông T khởi kiện đòi ông T1 số tiền trên thì ông T1 không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mời làm việc, thông báo hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T2 ***đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ.***

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 11/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/9/2023 là 43 tháng 27 ngày thành tiền là 36.437.000đ.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 11/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.437.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 136.437.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:*

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả tiền vay; bị đơn đang cư trú tại huyện L nên Tòa án xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông* Trần Văn T *buộc bị đơn ông* Nguyễn Văn T1 *phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ:*

Nguyên đơn ông T cung cấp "Giấy vay tiền" đề ngày 26/12/2019 với nội dung ngày 26/12/2019, ông Nguyễn Văn T1 có vay của ông Trần Văn T số tiền 100.000.000đ, hẹn đến ngày 10/01/2020 sẽ trả hết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là của ông T1. Tuy nhiên ông T1 cho rằng số tiền này ông đứng ra bảo lãnh cho ông T2 vay của ông T, ông T1 không nhận số tiền này và theo như ông được biết ông T2 đã trả ông T số tiền trên nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mời làm việc, thông báo hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T2 đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ giữa ông T và ông T1.

Xét thấy, người đứng ra vay tiền là ông Nguyễn Văn T1. Đến nay đã quá thời hạn hoàn trả nợ gốc mặc dù ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông T1 không trả. Như vậy ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông T như đã thỏa thuận.

Vì vậy cần buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông* Trần Văn T *buộc bị đơn ông* Nguyễn Văn T1 *phải trả số tiền nợ lãi là 36.437.000đ:*

Theo nội dung giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận về lãi, thời hạn trả là ngày 10/01/2020. Tại phiên tòa bị đơn ông T1 cho rằng các bên không có thỏa thuận về lãi suất; nguyên đơn ông T cho rằng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 10%/năm nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi suất.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc không trả đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*

trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.".

Do quá thời hạn trả nợ mà ông T1 không trả tiền nợ gốc cho ông T nên ông T1 phải chịu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/01/2020 đến ngày 08/9/2023 là 43 tháng 27 ngày: Thành tiền là: 43 tháng 27 ngày x 0,83% x 100.000.000đ = 36.437.000đ.

Như vậy bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 36.437.000đ, tổng cộng là 136.437.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng)

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 136.437.000đ nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Văn T số tiền **136.437.000đ** (Một trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng), nợ lãi là **36.437.000đ** (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **6.821.850đ** nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp **3.247.000đ** (Ba triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009348 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2023), hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình